TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH SƠN** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21/4/2022
V/v ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Kiều Trung

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thạch

2. Ông Bùi Quốc Thìn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quang Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân nhân huyện Bình Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Trí - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 105/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị T, sinh năm 1994; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;

Hiện cư trú tại: Khu phố X, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1991; cư trú tại: Xóm Ph, thôn P, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày tại bản tự khai và tại các buổi làm việc, nguyên đơn trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ngọc S tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi theo giấy chứng nhận kết hôn số 110, quyển số 01/2014, ngày 24/11/2014.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống và sinh được một con chung. Tuy nhiên trong thời gian chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, nhiều lần xảy ra cải vã, xung đột; từ năm 2018 đến nay, vợ chồng không còn sống chung, không còn quan tâm, liên lạc với nhau. Chị thấy rằng giữa vợ chồng không còn tình cảm, hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng không còn sống chung và cũng không thể hàn gắn, khắc phục mâu thuẫn. Vì vậy, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Ngọc S.

Về con chung: Giữa anh chị có một con chung tên là Nguyễn Ngọc Tài S, sinh ngày 07/01/2016, hiện anh S đang chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu giao con chung cho anh Stiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết gì thêm.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn trình bày như sau:

Về hôn nhân: Anh thống nhất như lời trình bày của chị Tvề việc anh chị có tự nguyện tìm hiểu trước khi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Svào năm 2014 và giữa vợ chồng có một con chung như chị Ttrình bày. Thời gian qua, vợ chồng không còn sống chung với nhau, anh và con chung sinh sống tại xã B còn chị T sinh sống tại tỉnh Bình Dương, vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Việc chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh thấy rằng giữa vợ chồng không còn sống chung, hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng cũng không thể đoàn tụ được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Giữa anh chị có một con chung như chị Ttrình bày, hiện anh đang chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Giữa anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết

Ngoài ra, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc các đương sự vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nên việc Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy giữa chị T và anh S xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn sống chung, vi phạm các quy định về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị T; về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Tđã đồng ý giao con chung cho anh S chăm sóc, nuôi dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung chưa thành niên cho anh Stiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xét; về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét; án phí: Buộc Chị Ngô Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Ngọc S tự nguyện tìm hiểu trước khi kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 24/11/2014 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Mâu thuẫn giữa vợ chồng phát sinh là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, nhiều lần xảy ra cải vã, xung đột và vợ chồng không sống chung với nhau trong thời gian dài.

Hội đồng xét xử thấy rằng giữa chị T và anh S xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn sống chung và cũng không thể đoàn tụ được với nhau nên việc chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh S là có căn cứ, phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

[3] Về con chung: Hội đồng xét xử thấy rằng anh S là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và trong quá trình giải quyết vụ án, chị T đồng ý giao con chung cho anh Stiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, việc anh S yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là có căn cứ, phù hợp với thực tế và phù hợp với quy đinh tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Việc cấp dưỡng nuôi con: anh S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[6] Án phí: Chị Ngô Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền chị đã nộp tạm ứng.

[7] Đối với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 235, 264, 266, 267, 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị T được ly hôn anh Nguyễn Ngọc S.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Tài S, sinh ngày 07 tháng 01 năm 2016 cho anh Nguyễn Ngọc S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (cháu S đang ở cùng anh S).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật.

3. Việc cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

5. Án phí: **Chị Ngô Thị T** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu số tiền chị đã nộp tạm ứng (do anh Nguyễn Ngọc S nộp thay) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001514, ngày 10/02/2022 của Chi cục T hành án dân sự huyện Bình Sơn.

6. Trường hợp bản án, quyết định được T hành theo quy định tại Điều 2 Luật T hành án dân sự thì người được T hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền thỏa thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật T hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu T hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T hành án dân sự.

7. Án xử công khai, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nguyên đơn và bị đơn nhận được bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã nơi cư trú

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã B *(đăng ký kết hôn số 110, ngày 24/11/2014)*;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đoàn Kiều Trung